

Bản án số: 524/2020/DS-PT  
Ngày 17-6-2020  
Về việc “Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán : Ông Trần Nam Bình  
Bà Mai Thị Thanh Tú

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 5 và ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/DSPT ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 709/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2012/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5128/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa:

*1. Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn Đ.

Địa chỉ: 175 Lê Văn Việt, khu phố 4, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Hoàng Ngọc G.

Địa chỉ: 946/2 phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Võ Văn Đ1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Đ.

Địa chỉ: 946/2 phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ là ông Võ Văn Đ1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019).

3. Người kháng cáo: Ông Hoàng Ngọc G và bà Nguyễn Thị Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông G và bà Đ là ông Võ Văn Đ1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019).

### **NHẬN THẤY:**

*\*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn xác định:*

Thông qua quan hệ quen biết, vào ngày 10/3/2017, ông Đ có cho ông G vay số tiền là 1.285.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 23/12/2018, lãi suất 2%/tháng với mục đích kinh doanh buôn bán (*hai bên thỏa thuận tiền vốn lúc nào muốn trả trước và trả bao nhiêu thì trả, còn lãi trả hàng tháng*). Việc cho vay có lập bằng giấy tay và giao đủ tiền khi lập biên bản. Ông Đ xác định việc cho vay là của cá nhân ông không liên quan đến vợ. Đồng thời ông cho vay cả hai vợ chồng ông G và bà Đ, tuy nhiên ký giấy vay và nhận tiền chỉ có mình ông G. Thực hiện hợp đồng ông đã giao đủ tiền cho ông G, tuy nhiên hàng tháng ông G chưa trả lãi cho ông. Hết hạn vay từ ngày 23/12/2018 cho đến nay ông G và bà Đ chưa trả vốn và lãi cho ông. Việc cho vay nêu trên ông G không có đảm bảo bằng tài sản nào.

Nay yêu cầu Tòa án buộc ông G và bà Đ có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền 1.285.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm từ ngày 10/3/2017 đến ngày đưa vụ án ra xét xử.

*\*Bị đơn ông Hoàng Ngọc G và người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Văn Đ1 xác định:*

Ông G không có vay và ký giấy vay số tiền 1.285.000.000 đồng vào ngày 10/3/2017 như ông Đ trình bày, theo đó ông chỉ có vay ông Đ số tiền 400.000.000 đồng vào năm 2016 (*không nhớ rõ ngày tháng và vay không xác định thời hạn trả*). Việc vay số tiền này có lập giấy vay nhưng ông Đ là người giữ nên không thể cung cấp cho Tòa được. Vay lãi suất 2%/tháng, nhận đủ tiền xong ông có thanh toán đủ tiền lãi theo thỏa thuận.

Tiếp tục trong năm 2016 ông có vay thêm 250.000.000 đồng (*không nhớ rõ ngày tháng và vay không xác định thời hạn trả*). Việc vay số tiền này có lập giấy vay nhưng ông Đ là người giữ nên không thể cung cấp cho Tòa được. Vay lãi suất 2%/tháng. Số tiền vay sau đó được cộng dồn vào khoản vay trước 400.000.000 đồng, thành tổng 650.000.000 đồng cũng với lãi suất 2%/tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông có đưa 01 bộ hồ sơ nhà đất 50/1E đường Bung Sáu Xã, khu phố 1, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Việc giao giấy tờ do tin

tưởng nên ông không có lập biên nhận. Tiền cho thuê 1.800.000 đồng/tháng do phía ông Đ là người nhận và được căn trừ vô tiền lãi hàng tháng (về nội dung này giữa các bên không có lập biên bản). Nay ông chỉ đồng ý trả cho ông Đ số tiền đã vay là 650.000.000 đồng, đồng ý trả lãi cho ông Đ theo lãi suất 10%/năm với số tiền đã vay là 650.000.000 đồng và căn trừ tiền cho thuê nhà mà ông Đ đã nhận thay hàng tháng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Văn Đ1 xác định:*

Bà Đ có ý kiến thống nhất với nội dung trình bày của ông G .

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 709/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

*“Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 200; Điều 201; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ các Điều 157; 357; 429; 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

*Tuyên xử:*

*1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Hoàng Ngọc G;*

*Buộc ông Hoàng Ngọc G và bà Nguyễn Thị Đ trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 1.963.194.000 (Một tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.*

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.”*

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

-Ngày 13/11/2019 ông G và bà Đ nộp đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 709/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân quận T. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc ông G và bà Đ trả cho ông Đ

số tiền vốn vay là 650.000.000 đồng và tiền lãi do pháp luật quy định (có căn trừ lại số tiền thuê nhà 1.800.000 đồng/tháng mà ông Đ đã nhận từ khi vay tiền đến nay).

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

-Người kháng cáo cung cấp cho Tòa án bản sao hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của căn nhà số 50/1E Bưng Sáu Xã, Khu phố 1, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản sao: “Biên nhận tiền” ngày 10/02/2017 (có nội dung thỏa nhận mua bán căn nhà số 50/1E Bưng Sáu Xã, Khu phố 1, phường E, Quận C với giá 1.235.000.000 đồng) .

Các đương sự có ý kiến:

-Ông G và bà Đ có ông Đ1đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hoặc hủy án sơ thẩm hoặc sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc ông G và bà Đ trả cho ông Đ số tiền vốn vay là 650.000.000 đồng và tiền lãi theo pháp luật quy định (có căn trừ lại số tiền thuê nhà 1.800.000 đồng/tháng mà ông Đ đã nhận từ khi vay tiền đến nay). Vì:

+Tòa án cần làm rõ lại toàn bộ quá trình giao dịch giữa các bên và yêu cầu ông Đ trả lại toàn bộ tài sản bảo đảm là giấy tờ liên quan đến căn nhà 50/1E Bưng Sáu Xã, Khu phố 1, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+Việc mua bán nhà giữa các bên theo “Giấy biên nhận” ngày 15/10/2013, “Giấy bàn giao nhận nhà, đất và các tài sản khác gắn liền” ngày 01/4/2015 và “Giấy nhận tiền” ngày 10/2/2017 giữa ông Đ với ông G bà Đ chỉ là hình thức bảo đảm khoản vay nợ giữa 2 bên và cũng không có việc giao nhận tiền mua bán nhà.

-Ngoài ra, ông Đ1còn đề nghị:

+Triệu tập: Bà Nguyễn Thị Mđể xác định người thuê nhà, số tiền thuê nhà hàng tháng và số tiền ông Đ đã nhận để căn trừ số tiền lãi phát sinh từ khoản tiền vay 650.000.000 đồng; Ủy ban nhân dân xã E để xác minh việc xác nhận giấy ủy quyền ngày 12/10/2015 cho ông Đỗ Minh T và triệu tập ông T để làm rõ việc ông T có giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà 50/1E Bưng Sáu Xã, Khu phố 1, phường E, Quận C không; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận C để xác minh thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bàn giao Giấy chứng nhận có đúng quy định hay không.

+Đề nghị chuyển cơ quan điều tra để làm rõ về hành vi làm giả chữ ký, giấy tờ cấp nước, điện liên quan căn nhà 50/1E Bưng Sáu Xã, Khu phố 1, phường E, Quận C, hành vi làm giả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà nói trên.

-Ông Đ yêu cầu xử lý án sơ thẩm, bác kháng cáo của ông G và bà Đ. Ông Đ cũng xác định:

+Ngoài khoản nợ 1.285.000.000 đồng tại Giấy vay thêm tiền (kiêm Giấy biên nhận tiền vay) lập ngày 10/3/2017 thì giữa ông Đ với ông G, bà Đ không còn bất kỳ khoản nợ nào khác vì đây là khoản nợ cuối cùng và được hình thành từ nhiều khoản nợ đã vay giữa hai bên trước đây.

-Hiện nay ông Đ đang khởi kiện ông G và bà Đ tranh chấp hợp đồng mua bán căn nhà 50/1E Bưng Sáu Xã, Khu phố 1, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa án, đây là một quan hệ tranh chấp khác không liên quan đến vụ kiện này.

-Ông Đ xác định không yêu cầu xem xét lại các khoản nợ và tiền lãi phát sinh trước khoản nợ 1.285.000.000 đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị bác kháng cáo của ông G và bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

[1.1].Đơn kháng cáo của ông G và bà Đ nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp thuận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp, quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[2].Xét kháng cáo của ông G và bà Đ.

[2.1].Xét về hình thức Giấy vay thêm tiền (kiêm Giấy biên nhận tiền vay) lập ngày 10/3/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông G và bà Đ thừa nhận ông G đã ký tên vào Giấy vay thêm tiền (kiêm Giấy biên nhận tiền vay) lập ngày 10/3/2017, lời khai nhận này phù hợp

với Kết luận giám định số 983/KLGD-TT ngày 10/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh nên việc cấp sơ thẩm xác định Giấy vay thêm tiền nói trên được xác lập từ sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và xác định đây là chứng cứ trực tiếp làm căn cứ giải quyết vụ án là đúng.

Phía ông G không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã bị nhầm lẫn, bị lừa dối khi ký vào Giấy vay thêm tiền (kiêm Giấy biên nhận tiền vay) lập ngày 10/3/2017 nên không có cơ sở xem xét.

[2.2].Xét về nội dung Giấy vay thêm tiền (kiêm Giấy biên nhận tiền vay) lập ngày 10/3/2017.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Giấy vay thêm tiền ngày 10/3/2017 không có nội dung ông G giao giấy tờ liên quan đến căn nhà 50/1E Bưng Sáu Xã, Khu phố 1, phường E, Quận C để đảm bảo khoản tiền vay và ông G, bà Đ không chứng minh được ông đã giao giấy tờ này cho ông Đ để bảo đảm khoản nợ vay giữa 2 bên, trong khi ông Đ phủ nhận điều này nên Tòa án sơ thẩm không buộc ông Đ phải trả cho ông G các tài liệu mà ông G yêu cầu là có cơ sở.

Hơn nữa, hiện ông Đ đang tranh chấp với ông G và bà Đ về hợp đồng mua bán căn nhà 50/1E Bưng Sáu Xã, Khu phố 1, phường E, Quận C tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, phía ông G và bà Đ có quyền chứng minh giao dịch mua bán nhà và việc giao nhận tiền mua bán nhà theo “Giấy biên nhận” ngày 10/2/2017 giữa ông Đ với ông G và việc nhận số tiền 1.235.000 đồng là không có thật để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông bà.

-Cũng tại Giấy vay thêm tiền trên, có nội dung: *“Chúng tôi đã nhận đủ số tiền vay VND=1.285.000.000 đ (Một tỉ hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn)”* cùng các thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay, do vậy có cơ sở xác định phía ông G đã nhận khoản tiền vay 1.285.000.000 đồng nên phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của bên vay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm ông G và bà Đ, ông Đ đều xác định việc vay tiền giữa hai bên đã kéo dài từ nhiều năm, tiền vay được ông G và bà Đ sử dụng vào mục đích kinh doanh trong gia đình nên trách nhiệm trả nợ thuộc về ông G và bà Đ.

[2.3].Trong quá trình tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện cho ông G và bà Đ cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh khoản nợ thực sự giữa 2 bên, địa chỉ của người thuê nhà, khoản tiền lãi đã trả ... nhưng ông G và bà Đ không thực hiện. Do vậy, ông G và bà Đ cho rằng ông G chỉ vay số tiền là 650.000.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[2.4].Tại phiên tòa, ông Đ đại diện cho ông G và bà Đ xác định ông G và bà Đ chưa trả lãi cho khoản vay 1.385.000.000 đồng trong khi không chứng minh được khoản nợ này là không có thật nên ông G và bà Đ phải có trách nhiệm trả lại khoản nợ đã vay cùng lãi suất cho ông Đ theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, cấp sơ thẩm đã buộc ông G và bà Đ có trách nhiệm trả ông Đ số tiền vốn vay là 1.285.000.000 đồng (theo Giấy vay thêm tiền (kiêm Giấy biên nhận tiền vay) ngày 10/3/2017) và tiền lãi là 678.194.000 đồng (mức lãi 20%/năm), tổng số tiền vốn và lãi phải trả là 1.963.194.000 đồng là có căn cứ.

[2.5].Đối với yêu cầu chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra để xem xét về: hành vi làm giả chữ ký, giấy tờ cấp nước, điện liên quan căn nhà 50/1E Bưng Sáu Xã, Khu phố 1, phường E, Quận C, hành vi làm giả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu triệu tập ông Đỗ Minh T, Ủy ban nhân dân phường E, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận C của phía ông G và bà Đ do không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6].Ông G và bà Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông bà.

[3].Những phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật thi hành.

[4].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8].Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông G, bà Đ mỗi người phải chịu số tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

-Căn cứ các Điều 308 và 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 709/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với ông Hoàng Ngọc G;

Buộc ông Hoàng Ngọc G và bà Nguyễn Thị Đ trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 1.963.194.000 (Một tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 70.895.820 (Bảy mươi triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi) đồng do ông Hoàng Ngọc G và bà Nguyễn Thị Đ chịu.

Hoàn lại cho ông Đoàn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 28.527.600 (Hai mươi tám triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm) đồng theo biên lai số: 0022924 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### 3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông G phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

- Bà Đ phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông G và bà Đ đã nộp là 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0003999 ngày 19/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sang thành án phí. Ông G và bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

### 4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Bảo Nguyên**



